

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN THU THẬP DANH SÁCH BẢNG KÊ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

1. Khái niệm, mục đích và yêu cầu thu thập danh sách bảng kê đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội

a) Khái niệm đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội

Đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội là các đơn vị thường trú thuộc sự quản lý hoặc kiểm soát của các cơ quan Nhà nước (thường sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho chi hoạt động của đơn vị), hoạt động chủ yếu nhằm thực hiện các chức năng hoạch định chính sách, đường lối phát triển kinh tế - xã hội, quản lý và thực thi các chính sách của Nhà nước.

Đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội bao gồm:

Văn phòng Chủ tịch Nước;

Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội);

Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, HĐND, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này);

Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát);

Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam;

Đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội.

b) Mục đích của việc thu thập danh sách bảng kê

Thu thập danh sách các đơn vị điều tra nhằm:

- Bảo đảm cho việc thu thập thông tin được đầy đủ, chính xác, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót đơn vị điều tra

- Cung cấp thông tin ban đầu, nhận diện đơn vị điều tra;

- Xác định số lượng đơn vị thuộc diện điều tra, phạm vi và các thông tin liên hệ như địa chỉ, email, số điện thoại... của các đơn vị điều tra được phân công;

- Là cơ sở giúp Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương thực hiện gửi thông tin về nội dung thu thập thông tin và tiến hành thu thập thông tin phục vụ cho việc tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia

c) Yêu cầu của lập danh sách đơn vị điều tra

Lập danh sách đơn vị điều tra phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đầy đủ: Không trùng lặp, không bỏ sót đơn vị thuộc đối tượng điều tra.
- Chính xác: Thông tin trong phiếu lập danh sách phải được ghi chép phản ánh đúng thực trạng về đơn vị điều tra theo các tiêu chí đã được nêu tại biểu mẫu do Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương qui định.

2. Nguyên tắc xác định đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong thu thập danh sách bảng kê

(1) Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc các ngành kinh tế;

(2) Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp;

(3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh;

(4) Có con dấu, tài khoản riêng và thực hiện chế độ hạch toán kế toán độc lập.

Thu thập danh sách đơn vị điều tra là một khâu quan trọng, có vai trò quyết định thành công của cuộc điều tra. Vì vậy, cần chỉ đạo chặt chẽ, đúng qui trình để có danh sách đơn vị điều tra đầy đủ, chính xác trước khi tiến hành thu thập số liệu.

Ghi chú: Đối với cấp xã, phường (gọi chung là cấp xã): Các cơ sở hành chính là tổ chức Đảng, đoàn thể ở cấp này mặc dù có con dấu riêng, tuy nhiên việc hạch toán kế toán là chung với Ủy ban nhân dân cấp xã do đó chỉ cần lập 01 đơn vị vào danh sách bảng kê là Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Nội dung danh sách bảng kê đơn vị đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội: Bao gồm 02 danh sách:

a) Mẫu số 03.1 - BK/TĐTKT – DSTW: Áp dụng cho Tổ Công tác thuộc cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội khối Trung ương. Đối tượng thu thập, tổng hợp vào mẫu này là các đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thuộc khối Trung ương.

Đối với các cơ quan Bộ có mô hình tổ chức bao gồm khối "Tổng cục": Phần I (bao gồm các mục 1, 2, 3) không thống kê các đơn vị thuộc khối "Tổng cục", những đơn vị thuộc khối "Tổng cục" được thống kê trong phần II.

Riêng đối với một số ngành thuộc cơ quan Trung ương như cấp Tổng cục có hệ thống ngành dọc từ trung ương đến địa phương bao gồm: Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ, Tổng cục thi hành án, Tổng cục quản lý thị trường không liệt kê các đơn vị dự toán cấp dưới hoạt động theo ngành dọc (cấp tỉnh, huyện, xã) trong danh sách này. Các đơn vị hoạt động theo ngành dọc tại các tỉnh, thành phố sẽ do Ban Chỉ đạo cấp địa phương thực hiện lập danh sách và thu thập thông tin.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo hệ thống ngành dọc như: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chỉ lập danh sách các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc cấp Trung ương. Các đơn vị thuộc cấp tỉnh như Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh/thành phố, Ngân hàng nhà nước tỉnh/thành phố sẽ do Ban chỉ đạo địa phương lập danh sách.

Nội dung thông tin:

- Tên cơ quan: Ghi rõ tên đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thuộc khối Trung ương.
 - Cột A: Ghi số thứ tự của đơn vị
 - Cột B: Ghi tên đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc các cơ quan hành chính
 - Cột 1; 2; 3; 4: Ghi rõ địa chỉ của đơn vị trực thuộc đến số nhà, đường phố; cấp xã/phường/thị trấn; huyện/quận; tỉnh, thành phố
 - Cột 5: Ghi số điện thoại liên hệ của đơn vị từng đơn vị
 - Cột 6: Ghi địa chỉ email liên hệ đến từng đơn vị
 - Cột 7: Ghi mã số thuế của từng đơn vị
 - Cột 8: Ghi mã số đơn vị quan hệ ngân sách của từng đơn vị
 - Cột 9: Ghi mã loại tổ chức của đơn vị. Bảng mã đơn vị đã được Ban Chỉ đạo cập nhật lên hệ thống. Đơn vị chọn một mã duy nhất có trong danh sách (*phụ lục 1*)
 - Cột 10: Ghi cấp dự toán của đơn vị (cấp 1: 1; cấp 2: 2; cấp 3: 3; cấp 4: 4)
- + *Đơn vị dự toán cấp 1*: Là đơn vị trực tiếp nhận dự toán ngân sách hàng năm do Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao. Đơn vị dự toán cấp 1

thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách cho đơn vị cấp dưới trực thuộc; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách của đơn vị mình và công tác kế toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định.

+ *Đơn vị dự toán cấp 2*: Là đơn vị cấp dưới đơn vị dự toán cấp 1, được đơn vị dự toán cấp 1 giao dự toán và phân bổ dự toán được giao cho đơn vị dự toán cấp 3 (trường hợp được ủy quyền của đơn vị dự toán cấp 1), chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách của đơn vị mình và công tác kế toán và quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới theo quy định.

+ *Đơn vị dự toán cấp 3*: Là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách, được đơn vị dự toán cấp 1 hoặc cấp 2 giao dự toán ngân sách, có trách nhiệm tổ chức, thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách của đơn vị mình và đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc (nếu có) theo quy định.

+ *Đơn vị dự toán cấp 4*: là đơn vị cấp dưới của đơn vị dự toán cấp 3: Được nhận kinh phí để thực hiện phần công việc cụ thể, khi chi tiêu phải thực hiện công tác kế toán và quyết toán theo quy định.

- **Cột 11**: Ghi hình thức hạch toán kế toán của đơn vị theo :1. Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; 2. Chế độ kế toán doanh nghiệp; 3. Khác (ghi cụ thể theo nghị định, thông tư hoặc các văn bản pháp lý áp dụng...)

- **Cột 12**: Tình trạng hoạt động của đơn vị: ghi 1 là Đang hoạt động; 2 là Tạm ngừng hoạt động (chờ đầu tư, chờ giải thể, sản xuất kinh doanh theo mùa vụ); 3 là không hoạt động (giải thể, phá sản, sáp nhập)

- **Cột 13**: Loại đơn vị: 1. Đơn vị hành chính; 2 Đơn vị sự nghiệp

b) Mẫu số 03.2 – BK/TĐTKT – DSĐP: Áp dụng cho các Ban chỉ đạo tỉnh/thành phố, huyện/quận (gọi tắt là Ban chỉ đạo địa phương)

Đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội được tổng hợp vào mẫu 03.2 bao gồm:

- Đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thuộc khối địa phương (cấp tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường)

- Đơn vị hành chính thuộc khối Tổng cục theo ngành dọc cấp tỉnh/thành phố, huyện/quận của Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ, Tổng cục Thi hành án, Tổng cục quản lý thị trường.

- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh/thành phố, huyện/quận và ngân hàng nhà nước tỉnh/thành phố.

Việc thu thập danh sách đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội theo mẫu 03.2 sẽ được thu thập theo địa bàn xã/phường (danh sách đơn vị thực tế có trên địa bàn tính đến thời điểm ngày 31/12/2020) và từ xã/phường để tổng hợp danh sách lên huyện/quận và từ huyện/quận tổng hợp lên danh sách tỉnh/thành phố.

Ban chỉ đạo Tổng điều tra các cấp tại địa phương sẽ phối hợp với các đơn vị như Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương, Kho bạc Nhà nước các cấp, cơ quan thuế các cấp để cung cấp danh sách nền các đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội.

Nội dung thu thập danh sách mẫu số 03.2

- Cột A: Ghi số thứ tự của đơn vị từ 1 đến n
- Cột B: Ghi cụ thể tên đơn vị theo quyết định thành lập đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội;
- Cột 1: Ghi rõ địa chỉ của đơn vị: Cụ thể đến số nhà, đường phố, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố
- Cột 2: Ghi số điện thoại liên hệ của đơn vị
- Cột 3: Ghi địa chỉ email của đơn vị
- Cột 4: Ghi mã số thuế của đơn vị đang sử dụng do cơ quan Thuế cấp
- Cột 5: Ghi mã số đơn vị quan hệ ngân sách đang sử dụng
- Cột 6: Ghi mã loại tổ chức của đơn vị. Ghi theo Bảng mã loại đơn vị quản lý do Ban Chỉ đạo Trung ương qui định (*phụ lục 2*)
- Cột 7: Ghi cấp dự toán của đơn vị (cấp 1: 1; cấp 2: 2; cấp 3: 3; cấp 4: 4) áp dụng đơn vị sự nghiệp công lập
- Cột 8: Ghi cụ thể cấp quản lý của đơn vị theo quy định: Cấp Trung ương ghi là 0; cấp tỉnh/thành phố ghi là 1; cấp huyện/quận ghi là 2, cấp xã/phường ghi là 3;
- Cột 9: Tình trạng hoạt động của đơn vị. Đang hoạt động ghi là 1; Tạm ngừng hoạt động ghi là 2; Không hoạt động ghi là 3.

4. Quy trình thu thập và tổng hợp danh sách thực tế các đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội có đến thời điểm ngày 31/12/2020

a) Đối với mẫu số 03.1

Bước 1: Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương thu thập danh sách nền các đơn vị đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội khối Trung ương và các đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội khối Trung ương và cập nhật lên trang tác nghiệp. Nguồn thông tin thu thập danh sách nền từ kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017 và các nguồn thông tin khác. Thời gian cập nhật danh sách nền 01/01/2021 đến ngày 30/01/2021.

Bước 2: Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương gửi toàn bộ danh sách nền, tài khoản, mật khẩu và địa chỉ đăng nhập của các đơn vị từ bước 1 về ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương do Bộ Nội vụ tiến hành. Thời gian gửi chậm nhất ngày 30/01/2021.

Bước 3: Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương sẽ thực hiện phối hợp và gửi danh sách nền; tài khoản, mật khẩu, địa chỉ đăng nhập đến Tổ công tác đã được thành lập tại các cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội khối Trung ương để rà soát, thu thập, cập nhật danh sách nền từ bước 1. Thời gian gửi các Tổ công tác chậm nhất ngày 05/02/2021.

Bước 4: Căn cứ vào cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thuộc khối Trung ương, Tổ công tác thuộc các đơn vị Trung ương sẽ tiến hành rà soát, thu thập và cập nhật danh sách các đơn vị trực thuộc do cơ quan quản lý (số lượng đơn vị phát sinh mới, đơn vị đang hoạt động, đơn vị ngừng hoạt động...) bao gồm cả đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp lên trang tác nghiệp. Thời gian tổng hợp danh sách thực tế các đơn vị từ ngày 05/02/2021 đến ngày 20/02/2021.

Bước 5: Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương phối hợp Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương cử các đầu mối phụ trách các đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội khối Trung ương thực hiện giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thu thập danh sách bảng kê của các đơn vị.

Bước 6: Tổ công tác tại các đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội khối Trung ương gửi toàn bộ danh sách thu thập các đơn vị trực thuộc (bản mềm và bản giấy) về Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính trung ương. Thời gian gửi chậm nhất ngày 20/02/2021.

Bước 7: Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương gửi toàn bộ kết quả thu thập danh sách bảng kê về Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương. Thời gian gửi chậm nhất ngày 22/02/2021.

b) Đối với mẫu số 03.2

Bước 1: Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương thu thập danh sách nền các đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội và cập nhật lên trang tác nghiệp. Nguồn thông tin thu thập danh sách nền từ kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017 và các nguồn thông tin khác. Thời gian cập nhật danh sách nền 01/01/2021 đến ngày 30/01/2021.

Bước 2: Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương gửi toàn bộ danh sách nền, tài khoản, mật khẩu và địa chỉ đăng nhập của các đơn vị từ bước 1 về ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương do Bộ Nội vụ tiến hành. Thời gian gửi ngày 30/01/2021.

Bước 3: Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương sẽ thực hiện phối hợp và gửi danh sách nền; tài khoản, mật khẩu, địa chỉ đăng nhập đến Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (giao trực tiếp cho Sở Nội vụ) để tổ chức rà soát, thu thập, cập nhật danh sách nền từ bước 1. Thời gian gửi chậm nhất ngày 05/02/2021.

Bước 4: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (Sở Nội vụ) thực hiện phân quyền và gửi tài khoản, mật khẩu, địa chỉ đăng nhập cho Ban Chỉ đạo cấp huyện (Phòng Nội vụ). Dựa trên danh sách nền từ bước 3, Ban Chỉ đạo cấp huyện (Phòng Nội vụ) sẽ tiến hành rà soát, thu thập và cập nhật danh sách các đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội lên trang tác nghiệp. Thời gian tổng hợp danh sách thực tế các đơn vị từ ngày 05/02/2021 đến ngày 20/02/2021.

Bước 5: Ban Chỉ đạo địa phương cấp huyện (Phòng Nội vụ) phối hợp với các đơn vị Kho bạc Nhà nước, cơ quan Thuế cùng cấp để rà soát, cập nhật lại danh sách nền lên trang tác nghiệp. Thời gian từ ngày 05/02/2021 đến 20/02/2021. Hình thức phối hợp: sau khi Ban chỉ đạo cấp huyện (Phòng Nội vụ) rà soát xong, kết xuất sang excel và chuyển Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế cùng cấp rà soát và gửi kết quả lại cho Ban chỉ đạo cấp huyện (Phòng Nội vụ) để cập nhật bổ sung lên trang tác nghiệp.

Bước 6: Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương phối hợp Ban chỉ đạo địa phương thực hiện giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thu thập danh sách bảng kê.

Bước 7: Ban chỉ đạo địa phương gửi toàn bộ danh sách bảng kê đơn vị đã rà soát về Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương để rà soát lần cuối, tổng hợp và chuẩn bị cho giai đoạn thu thập thông tin đơn vị hành chính, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội (giai đoạn 2). Thời gian gửi chậm nhất ngày 20/02/2021.

Bước 8: Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương gửi toàn bộ kết quả thu thập danh sách bảng kê về Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế trung ương. Thời gian gửi chậm nhất ngày 22/02/2021.

Việc thu thập danh sách thực tế các đơn vị hành chính, tổ chức chính trị - xã hội sẽ được lập theo địa bàn cấp xã, phường, thị trấn. Sau đó, sẽ tổng hợp lên cấp huyện, quận và từ huyện, quận sẽ tổng hợp danh sách thực tế cơ sở hành chính cấp tỉnh, thành phố. Ban chỉ đạo điều tra các cấp chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát quá trình thu thập danh sách bảng kê, đảm bảo đúng thời gian, tiến độ và chất lượng.

4. Xác nhận và báo cáo danh sách đơn vị điều tra

Sau khi hoàn thành lập và tổng hợp danh sách các đơn vị trên địa bàn, Thủ trưởng cơ quan hoặc người được thừa ủy quyền phải ký xác nhận vào danh sách và gửi về Ban Chỉ đạo TĐT cấp trên theo thời gian thực tế (ký số trên phần mềm. Trong trường hợp không có chữ ký số, việc hoàn thành và gửi đi trên hệ thống phần mềm coi như đã được xác nhận)./.

Phụ lục 1

STT	Tên đơn vị	Mã số
I.	CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	
1	Văn phòng Chủ tịch nước	U01
2	Văn phòng Quốc Hội	U02
3	Văn phòng Chính phủ	U03
4	Tòa án Nhân dân tối cao	U04
5	Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	U05
6	Bộ Quốc Phòng	U06
7	Bộ Công An	U07
8	Bộ Ngoại giao	U08
9	Bộ Nội Vụ	U09
10	Bộ Tư pháp	U10
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	U11
12	Bộ Tài chính	U12
13	Bộ Công Thương	U13
14	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	U14
15	Bộ Giao thông vận tải	U15
16	Bộ Xây dựng	U16
17	Bộ Tài Nguyên và Môi trường	U17
18	Bộ Thông tin và Truyền thông	U18
19	Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội	U19
20	Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch	U20
21	Bộ Khoa học và Công nghệ	U21
22	Bộ Giáo dục và Đào tạo	U22
23	Bộ Y tế	U23
24	Ủy ban Dân tộc	U24
25	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	U25
26	Thanh tra Chính phủ	U26
27	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	U27
28	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	U28
29	Đài Tiếng nói Việt Nam	U29

STT	Tên đơn vị	Mã số
30	Đài truyền hình Việt Nam	U30
31	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	U31
32	Thông tấn xã Việt Nam	U32
33	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	U33
34	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	U34
35	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	U35
36	Kiểm toán Nhà nước	U36
37	Liên minh các hợp tác xã Việt Nam	U42
II	CƠ QUAN ĐẢNG	
38	Văn Phòng Trung ương Đảng	U43
39	Ban Tổ chức Trung ương	U44
40	Ban Dân vận Trung ương	U45
41	Ban Tuyên giáo Trung ương	U46
42	Ban Đối ngoại Trung ương	U47
43	Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng	U48
44	Ban Nội chính Trung ương	U37
45	Ban Kinh tế Trung ương	U91
46	Đảng ủy Khối các Doanh nghiệp Trung ương	U49
47	Đảng ủy Khối các cơ quan Kinh tế Trung ương	U50
III	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	
48	Trung ương hội Cựu chiến binh Việt Nam	U51
49	Trung ương hội Nông dân Việt Nam	U52
50	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	U53
51	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	U54
52	Trung ương hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	U55
53	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc	U56

Phụ lục 2

STT	Tên đơn vị	Mã số
I.	CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	
1	Hội đồng nhân dân	T01
2	Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố	T02
3	Ủy ban nhân dân	T03
4	Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố	T04
5	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh, thành phố	T05
6	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố	T06
7	Công an tỉnh, thành phố	T07
8	Sở Ngoại Vụ	T08
9	Sở Nội Vụ	T09
10	Sở Tư pháp	T10
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	T11
12	Sở Tài chính	T12
13	Sở Công thương	T13
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	T14
15	Sở Giao thông vận tải	T15
16	Sở Xây dựng (TP Hồ Chí Minh và Hà nội bao gồm 2 Sở Quy hoạch – Kiến trúc)	T16
17	Sở Tài Nguyên và Môi trường	T17
18	Sở Thông tin và Truyền thông	T18
19	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	T19
20	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	T20
21	Sở Khoa học và Công nghệ	T21
22	Sở Giáo dục và Đào tạo	T22
23	Sở Y tế	T23
24	Ngân hàng Nhà nước (chi nhánh tỉnh/thành phố)	T24
25	Thanh tra tỉnh, thành phố	T25

STT	Tên đơn vị	Mã số
26	Bảo hiểm Xã hội tỉnh, thành phố	T26
27	Đài Tiếng nói tỉnh, thành phố	T27
28	Đài truyền hình tỉnh, thành phố	T28
29	Phân viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố	T29
30	Cục Thống kê	T30
31	Cục Thuế	T31
32	Cục Hải quan	T32
33	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực	T33
34	Cục Thi hành án	T34
35	Ban quản lý khu công nghiệp	T35
36	Liên minh các hợp tác xã tỉnh/thành phố	T36
37	Cục quản lý thị trường	T60
II	CƠ QUAN ĐẢNG	
38	Văn Phòng Thành ủy/tỉnh ủy	T37
39	Ban Tổ chức Đảng	T38
40	Ban Dân vận	T39
41	Ban Tuyên giáo	T40
42	Ban Kiểm tra Đảng	T41
III	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	
43	Hội Cựu chiến binh tỉnh/thành phố	T42
44	Hội Nông dân Việt Nam tỉnh/thành phố	T43
45	Liên đoàn lao động Việt Nam tỉnh/thành phố	T44
46	Tinh đoàn, thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	T45
47	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh/thành phố	T46
48	Mặt trận Tổ quốc tỉnh/thành phố	T47
C	CẤP QUẬN/HUYỆN	
I.	CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	
1	Hội đồng nhân dân	H01

STT	Tên đơn vị	Mã số
2	Ủy ban nhân dân	H02
3	Tòa án Nhân dân	H03
4	Viện Kiểm sát Nhân dân	H04
5	Huyện đội	H05
6	Công an huyện	H06
7	Phòng Nội Vụ	H07
8	Phòng Tư pháp	H08
09	Phòng Tài chính - Kế hoạch	H09
10	Phòng Công Thương	H10
11	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	H11
12	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	H12
13	Phòng Văn hóa – Thông tin	H13
14	Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội	H14
15	Phòng Giáo dục và Đào tạo	H15
16	Phòng Y tế	H 16
17	Phòng quản lý đô thị (bao gồm cả thanh tra xây dựng huyện)	H 17
18	Ban quản lý dự án thuộc quận/huyện	H 18
19	Thanh tra huyện	H 19
20	Bảo hiểm Xã hội cấp huyện	H 20
21	Đài phát thanh	H 21
22	Phòng Dân tộc	H 22
23	Chi cục Thống kê	H 23
24	Chi cục Thuế	H 24
25	Chi cục Hải quan	H 25
26	Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực	H 26
27	Chi cục Thi hành án	H 27
28	Liên minh hợp tác xã	H 28
28.1	Chi cục quản lý thị trường	H45

STT	Tên đơn vị	Mã số
II	CƠ QUAN ĐẢNG	
29	Quận ủy/huyện ủy (thực hiện phiếu chung cho các Ban của Đảng ở cấp huyện)	H 29
III	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	
30	Hội Cựu chiến binh huyện	H 30
31	Hội Nông dân huyện	H 31
32	Liên đoàn lao động huyện	H 32
33	Huyện đoàn, thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	H 33
34	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	H 34
35	Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện	H 35
C	CẤP XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN	
1	Đảng ủy và Hội đồng nhân dân	X01
2	Ủy ban nhân dân	X02
3	Mặt trận tổ quốc (<i>Phiếu thực hiện chung cho ủy ban mặt trận và các hội thành viên</i>)	X03
D	KHÁC	K

